TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2024.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Vũ
- Ông Nguyễn Văn Sơn

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sỉ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kiên Thị Na R, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ liên hệ: đường Võ Văn Kiệt, ấp S, xã L, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Chị Na R, anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án chị Kiên Thị Na R trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện Thạnh Phú ngày 23/02/2016. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày: 21/02/2015 và Nguyễn Thị Ái L, sinh ngày: 25/12/2019. Thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng về sau xảy ra bất đồng quan điểm trong lối sống, hai bên đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay và không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 09/4/2024 chị Na R có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức Đ trình bày:

Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Kiên Thị Na R, về con chung anh đồng ý để con chung cho chị Kiên Thị Na R trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng, về tài sản chung không có, về nợ chung không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kiên Thị Na R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Đức Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Th, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Kiên Thị Na R và anh Nguyễn Đức Đ có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về nội dung:

4.1 Về hôn nhân: Chị Kiên Thị Na R và anh Nguyễn Đức Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/02/2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân của Chị Kiên Thị Na R và anh Nguyễn Đức Đ được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Na R và anh Đ đến để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị. Tuy nhiên, chị Na R vẫn cương quyết ly hôn, anh Đ không có mặt và cả hai anh chị đều thống nhất ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị R và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kiên

Thị Na R là phù hợp. Chị R không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét.

4.2 Về con chung: Chị Na R và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày: 21/02/2015 và Nguyễn Thị Ái L, sinh ngày: 25/12/2019. Sau khi lấy ý kiến nguyện vọng của con chung và sự đồng ý của anh Đ, nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị Na R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Na R không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Na R và anh Đ trình bày không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Kiên Thị Na R phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Kiên Thị Na R được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị Na R không có yêu cầu.

2. Về con chung: Chị Kiên Thị Na R được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày: 21/02/2015 và Nguyễn Thị Ái L, sinh ngày 25/12/2019. Chị Na R không yêu cầu anh Đoàn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị Na R, anh Đ có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Na R và anh Đ trình bày không có, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Kiên Thị Na R phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000368 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Th, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí